TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:54/2023/KDTM-PT
Ngày: 09/01/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Ông **Ngô Thanh Nhàn.**
2. Bà **Hoàng Thị Bích Thảo**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân**– Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Thân Trọng Minh Phương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022 và ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 109/2022/KDTM-PT ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2022/KDTM-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5819/2022/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15783/2022/QĐ-HPT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH Xây dựng TT.**

Trụ sở: 553 TK1/4 Trần Hưng Đạo, phường C, quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phước C là người đại diện theo pháp luật.

2. *Bị đơn*: **Công ty Cổ phần Địa ốc T1**

Trụ sở: Số 236 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Văn K là người đại diện theo Giấy ủy quyền số 13/2022/GUQ-TGĐ ngày 20/12/2022.

3. Người kháng cáo: **Bị đơn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện và tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH Xây dựng TT (*sau đây gọi tắt là Công ty TT*) có ông Trần Phước C là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 06/10/2016, Công ty TT ký hợp đồng thi công số 17/2016/HĐTC (*sau đây gọi tắt là hợp đồng số 17*) với Công ty cổ phần địa ốc T1 (*sau đây gọi tắt là Công ty T1*) để giao cho Công ty TT thầu thi công công trình Kênh dẫn nước hạ tầng kỹ thuật chính khu đô thị phát triển phường An Phú, Quận 2. Hạng mục: Thi công ½ kênh thoát nước phần tiếp giáp dự án thành phần số 7 tại địa điểm phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại điều 2.3 của hợp đồng số 17, các bên có thỏa thuận phương thức thanh toán theo từng giai đoạn. Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và hồ sơ quyết toán được phê duyệt thì bên giao thầu là Công ty T1 thanh toán 100% giá trị quyết toán có khấu trừ chi phí đã thanh toán các giai đoạn trước. Thời gian thanh toán không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận được Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng và đề nghị thanh toán của bên nhận thầu là Công ty TT.

Ngày 25/04/2017, đôi bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình bàn giao đưa vào sử dụng . Tại Hồ sơ quyết toán công trình lập ngày 30/12/2017 được hai bên ký xác nhận thì xác định giá trị quyết toán hoàn thành công trình là: 3.370.609.000 đồng. Công ty TT đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng gồm:

+ Ký hiệu TT/11P, số 0000397, ngày 17/11/2016 là 776.442.019 đồng.

+ Ký hiệu TT/11P, số 0000503, ngày 31/12/2017 là 2.594.166.981 đồng.

Quá trình thanh toán, Công ty T1 chỉ thanh toán cho Công ty TT tiền thi công tổng cộng là 1.229.898.800 đồng (ngày 10/10/2016 trả 614.949.400; ngày 18/11/2016 trả 614.949.400 đồng). Công ty TT đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị thanh toán gồm: Văn bản số 32/CTTT-PDA ngày 26/05/2017; số 39/CTTT-PKT ngày 06/08/2018; số 01/CTTT-PDA ngày 07/01/2019; số 25/CTTT-PDA ngày 03/11/2020; số 21/CTTT-PDA ngày 09/10/2020; số 22/CTTT-PDA ngày 09/10/2020 và số 02/CTTT-PKT ngày 04/01/2021. Đồng thời Công ty TT cũng nhiều lần gửi Bảng đối chiếu công nợ thanh toán và Biên bản thanh lý hợp đồng, cụ thể vào các ngày: Ngày 06/08/2018; Ngày 28/09/2018; Ngày 04/01/2019; Ngày 04/07/2019; Ngày 28/11/2019; Ngày 19/06/2020; Ngày 05/08/2020 nhưng không được Công ty T1 phản hồi.

Do Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty TT khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết: buộc Bị đơn là Công ty T1 trả cho Nguyên đơn là Công ty TT số tiền thi công và lãi chậm thanh toán phát sinh tạm tính đến ngày 15/04/2021 tổng cộng là 3.327.097.200 đồng.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn trình bày: xuất phát từ sự giới thiệu của PVC LAND và được sự đồng ý của PVC LAND (thông qua Bản thỏa thuận ký ngày 26/09/2016 giữa Công ty T1 và PVC LAND) nên Công ty T1 mới tin tưởng giao thầu cho Công ty TT để thi công Hạng mục ½ kênh thoát nước thuộc dự án Petrovietnam Landmark tọa lạc tại Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM. PVC LAND là chủ đầu tư và là đơn vị trực tiếp sử dụng, khai thác và thu lợi trực tiếp từ hạng mục xây dựng này.

Ý kiến của Bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau: Hạng mục do Nguyên đơn thi công chưa được nghiệm thu bảo hành do Bị đơn vẫn chưa khắc phục sửa chữa theo Biên bản làm việc ngày 23/10/2020 và ngày 23/09/2020. Các văn bản nghiệm thu hoàn thành cần phải có sự đồng ý (chữ ký & con dấu) của cả 3 pháp nhân: T1, PVC LAND và TT nhưng lại không có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của PVC LAND trên các văn bản này trong khi PVC LAND là đơn vị trực tiếp sử dụng là sự thiếu sót quan trọng, làm ảnh hưởng đến tính chất vụ việc.

Bị đơn sử dụng đúng mục đích về số tiền mà PVC LAND đã chuyển theo Bản thỏa thuận ngày 26/09/2016 là chi trả cho nhà thầu TT. Việc thực hiện Hợp đồng giao nhận thầu này đã khiến Bị đơn thiệt hại rất nhiều do PVC LAND còn đang nợ Bị đơn là 1.912.121.700 đồng trong khi số tiền cần chi trả cho Nguyên đơn là 2.140.710.200 đồng dẫn đến việc Bị đơn chưa có kinh phí thanh toán phần tiền còn lại cho Nguyên đơn

Bị đơn đã nhiều lần đề nghị họp ba bên để giải quyết vấn đề thanh toán chi phí của PVC LAND và đề nghị Nguyên đơn khắc phục hạng mục còn thiếu/chưa đạt chất lượng nhưng Nguyên đơn vẫn chưa khắc phục mà đã tiến hành khởi kiện. Do đó, bị đơn chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Đồng ý thanh toán số tiền 2.140.710.200 đồng cho nguyên đơn trong trường hợp Nguyên đơn đã khắc phục các hạng mục chưa hoàn thành theo Biên bản làm việc ngày 23/09/2020 và ngày 23/10/2020.

- Không chấp nhận khoản tiền lãi phát sinh, do nguyên đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với hạng mục còn thiếu/chưa đạt chất lượng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Nguyên đơn trình bày: Do Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TT yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 phải trả số tiền còn nợ cho Công ty TT số tiền tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 28/7/2022 là 3.102.748.101, trong đó số tiền nợ gốc là 2.114.654.200 đồng và tiền nợ lãi là 988.093.901 đồng (lãi suất 9%/năm). Công ty T1 vẫn phải còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết nợ.

* Bị đơn trình bày: Hiện tại giữa Nguyên đơn và Bị đơn tồn tại 02 bộ Hồ sơ Quyết toán gồm: Hồ Sơ Quyết Toán lần 1 ghi ngày 30/12/2017 do hai bên xác lập thể hiện giá trị quyết toán là 3.370.609.000 đồng; Hồ Sơ Quyết Toán lần 2 ghi năm 2020 (không ghi ngày chỉ có chữ ký của giám đốc và đóng dấu công ty TT thể hiện giá trị quyết toán phát sinh giảm 26.056.000 đồng với lý do Công ty TT đã không thể thực hiện một phần công việc nhận thầu theo Hợp đồng giao nhận thầu thi công số 17 do vướng giải tỏa. Điều này chứng minh rằng mặc dù hai bên đã ký các biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình vào ngày 25/04/2017, ký hồ sơ hoàn công và Hồ Sơ Quyết Toán nhưng trên thực tế Nguyên đơn vẫn chưa hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng giao nhận thầu dẫn đến việc Nguyên đơn phải chủ động giảm giá trị quyết toán xuống 26.056.000 đồng. Việc Nguyên đơn công nhận giảm trừ khối lượng công việc

khi lập Hồ Sơ Quyết Toán lần 2 vào năm 2020 đồng nghĩa với việc tính đến năm 2020 công việc thực tế thi công mà Công ty TT nhận thầu theo Hợp đồng 17 vẫn chưa được toàn thành. Do đó các hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng năm 2017 và hồ sơ quyết toán năm 2017 mà các bên đã ký trên thực tế đã không chính xác nên không có giá trị pháp lý và các bên buộc phải sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh lại bằng một tài liệu mới với các con số nghiệm thu chính xác.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng số 17/2016/HĐTC có quy định "*Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và hồ sơ quyết toán được phê duyệt, Bên A thanh toán 100% giá trị quyết toán khấu trừ vào chi phí đã thanh toán các giai đoạn trước và Bên B phải nộp cho Bên A giấy bảo lãnh Ngân hàng của Bên B về bảo hành công trình trị giá 5% giá trị hợp đồng…*" và tại Điều 5 của Hợp đồng quy định "*Thời hạn bảo hành là 03 tháng tương đương với thời gian bảo dưỡng hạng mục trông cây cỏ được tính từ ngày hoàn thành hạng mục trồng cây, trồng cỏ. Các hạng mục xây lắp công trình được bảo hành 12 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Mức tiền bảo hành công trình xây dựng là 5% giá trị quyết toán công trình được duyệt.*".

Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện nay, Nguyên đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ cung cấp Giấy/Chứng thư Bảo lãnh Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành sản phẩm công trình xây dựng theo thỏa thuận tại hợp đồng. Việc Bị đơn không cung cấp Giấy Bảo lãnh /Bảo Hành cho Bị đơn trong khi vẫn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 100% giá trị quyết toán công trình là hành vi vừa vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng, vừa vi phạm quy định của pháp luật về đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng và kết quả là dẫn đến việc Bị đơn không có cơ sở để quyết toán. Ngoài ra, khi kiểm tra hiện trường vào thời điểm Nguyên đơn phát hành Hồ Sơ Quyết Toán lần 2, thì bị đơn phát hiện một số lỗi và yêu cầu Nguyên đơn khắc phục sửa chữa nhưng vẫn chưa được Nguyên đơn thực hiện nên hạng mục thi công ½ kênh thoát nước chưa được nghiệm thu bảo hành dẫn đến việc Bị đơn không thể thực hiện được thủ tục quyết toán 100% giá trị còn lại của hợp đồng. Bị đơn chỉ đồng ý quyết toán phần giá trị còn lại của hợp đồng sau khi trừ đi các khoản đã ứng trước và các khoản giảm trừ theo Hồ Sơ Quyết Toán lần 2. Đề nghị Nguyên đơn lập lại hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đúng theo thực tế sau khi giảm trừ phần công việc chưa hoàn thành tương đương 26.056.000 đồng. Đề nghị Nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình, thực hiện các yêu cầu sửa chữa và khắc phục chất lượng đúng theo Biên bản cuộc họp ngày 23/09/2020 và ngày 23/10/2020. Từ những ý kiến trên Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định.Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2022/KDTM-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 112; Điều 113, Điều 144 và Điều 146 Luật xây dựng năm 2014.

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016):

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự:

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng TT

Buộc Công ty Cổ phần Địa ốc T1 có nghĩa vụ thanh toán Công ty TNHH Xây dựng TT tổng số tiền là 3.102.748.101 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 2.114.654.200 đồng và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2022 là 988.093.901 đồng.

Thực hiện việc trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 94.692.884 đồng Công ty Cổ phần Địa ốc TT phải chịu.

Trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng TT số tiền 49.270.972 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0033251 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/8/2022, Bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể: bác yêu cầu của Nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền thi công và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán. Lý do: Hết thời hiệu khởi kiện. Hợp đồng không có quy định về phạt hợp đồng và lãi chậm thanh toán. Đề nghị Nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng và hoàn thiện hồ sơ quyết toán để bổ sung phần việc chưa thi

công do vướng giải tỏa. Đề nghị Hủy bỏ biên bản nghiệm thu ngày 25/4/2017 thay thế bằng biên bản nghiệm thu mới ghi rõ phần công việc chưa hoàn thành để từ đó mới có cơ sở thanh toán theo hợp đồng thi công.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Nguyên đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân TP. H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng thi công. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận 3, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 3 căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[1.2] Về thời hiệu: Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quy định về thời hiệu khởi kiện chỉ được áp dụng khi đương sự đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án. Việc Bị đơn kháng cáo cho rằng hết thời hiệu nhưng do yêu cầu này bị đơn chỉ đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án và tại phiên tòa phúc thẩm nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc đòi Bị đơn thanh toán khoản tiền phát sinh từ hợp đồng thi công số 17 là 3.102.748.101 trong đó bao gồm: tiền thi công là 2.114.654.200 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 27/7/2022 theo mức lãi suất 9%/năm là 988.093.901 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền thi công:

[2.1.1] Về giao kết hợp đồng và nghiệm thu: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được các bên đương sự tiếp cận đối chiếu công khai

tại cấp sơ thẩm bao gồm: hợp đồng giao thầu thi công số 17; Bảng tổng hợp kinh phí thi công xây dựng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình bàn giao đưa vào sử dụng ; Hồ sơ quyết toán; Bản Thuyết minh quyết toán thì có cơ sở xác định: giữa Công ty TT và Công ty T1 có ký kết Hợp đồng giao nhận thầu thi công công trình Kênh dẫn nước hạ tầng kỹ thuật chính khu đô thị phát triển phường An Phú, Quận 2- Hạng mục: Thi công ½ kênh thoát nước phần tiếp giáp dự án thành phần số 7, địa điểm: phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Quá trình thi công thì các bên đã lập hồ sơ quyết toán công trình và công trình đã hoàn thành và đã được bên thi công là Công ty TT bàn giao cho bên giao thầu là Công ty T1 đưa vào sử dụng.

[2.1.2] Về khoản nợ tiền thi công : Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự cũng thống nhất trình bày xác nhận việc trong quá trình thi công phía Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty TT tổng cộng số tiền 1.229.898.000 đồng và khoản tiền giá trị thi công chưa hoàn thành do vướng giải tỏa là 26.056.000 đồng. Về phía Nguyên đơn cũng đồng ý theo đề nghị của Bị đơn về việc khấu trừ giá trị chưa thi công hoàn thành và đôi bên đã xác định khoản tiền thi công mà Bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.114.654.200 đồng.

Tại khoản 3 Điều 144 Luật xây dựng quy định về nghĩa vụ thanh toán cho bên nhận thầu: "*Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác"*.

Tại khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng số 17/2016/HĐTC ngày 06/10/2016 thì các bên thỏa thuận việc Công ty T1 sẽ thanh toán cho Công ty TT theo từng giai đoạn trong đó giai đoạn cuối cùng là khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và hồ sơ quyết toán được phê duyệt Công ty T1 thanh toán 100% giá trị quyết toán khấu trừ chi phí đã thanh toán các giai đoạn trước. Thời gian thanh toán không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng và đề nghị thanh toán của bên nhận thầu.

Như vậy, việc Công ty T1 và Công ty TT đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình bàn giao đưa vào sử dụng và ký Hồ sơ quyết toán cũng như xác nhận số tiền thi công nợ còn lại là 2.114.654.200 đồng nhưng không thanh toán cho Công ty TT là trái với nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại khoản 2.3 Điều 2 của hợp đồng thi công. Việc Công ty T1 mặc dù thừa nhận phần việc mà Công ty TT không thể hoàn thành do vướng giải tỏa nhưng vẫn nại lý do cho rằng Công ty TT chưa bổ sung phần việc này vào Hồ sơ quyết toán trong khi phần việc này đã được khấu trừ khỏi giá trị quyết toán để từ chối nghĩa vụ thanh toán là không thỏa đáng , không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật xây dựng như viện dẫn nêu trên và thỏa thuận của các bên tại khoản 2.3 Điều 2 của hợp đồng thi công. Do vậy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền thi công là 2.114.654.200 đồng là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất là 9%/năm tính từ ngày

01/6/2017 đến ngày 28/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm). Bị đơn trình bày cho rằng hai bên không thỏa thuận lãi trong hợp đồng và hồ sơ quyết toán chưa hoàn thiện nên Bị đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Xét: Tại Tòa các bên đã xác định khối lượng và giá trị chưa thi công do chưa được giải tỏa mặt bằng là 26.056.000 đồng. Nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu khoản tiền thi công là 2.114.654.200 đồng tức đã khấu trừ giá trị chưa thi công là 26.056.000 đồng. Ngày 25/4/2017, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đồng thời Bị đơn đã được nhận bàn giao công trình và đưa vào sử dụng. Ngày 30/12/2017 hồ sơ Quyết toán đã được đại diện hợp pháp của hai bên phê duyệt. Ngày 26/5/2017, Nguyên đơn đã có văn bản đề nghị thanh toán gửi cho Bị đơn nên theo thỏa thuận về thanh toán ghi nhận tại khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng số 17 thì thời điểm thanh toán khoản tiền trên được xác định là ngày 01/6/2017.

Tại Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 242/4/2015 quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng theo đó *"Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác".* Do thời điểm thanh toán được xác định là ngày 01/6/2017 như nhận định nêu trên nhưng cho đến nay Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là thuộc trường hợp chậm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy căn cứ vào Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 242/4/2015 viện dẫn nêu trên và Điều 306 Luật Thương mại thì Bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu nơi Nguyên đơn mở tài khoản thanh toán. Việc nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 9% /năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của Ngân hàng TMCP Á Châu nên bản án sơ thẩm chấp nhận mức lãi do Nguyên đơn yêu cầu là có lợi cho Bị đơn. Cụ thể tiền lãi được tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 28/7/2022 là:

2.114.654.200 đồng x 9%/năm là 988.093.901 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ để xác định Bản án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền 2.114.654.200 đồng là khoản tiền thi công phát sinh từ hợp đồng thi công nêu trên và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 28/7/2022 là 988.093.901 đồng là có căn cứ pháp luật, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Kháng cáo của Bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí :

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên phần án phí mà bản án sơ thẩm đã tuyên được giữ nguyên.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*:* Do yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Công ty T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn- Công ty Cổ phần địa ốc T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng TT. Buộc Công ty Cổ phần Địa ốc T1 phải thanh toán Công ty TNHH Xây dựng TT khoản tiền phát sinh từ hợp đồng thi công số 17/2016/HĐTC được xác lập ngày 06/10/2016 giữa Công ty Cổ phần địa ốc T1 và Công ty TNHH Xây dựng TT tổng cộng là 3.102.748.101 đồng (*Ba tỷ một trăm lẻ hai triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn một trăm lẻ một đồng*) trong đó gồm: tiền nợ thi công là 2.114.654.200 đồng và tiền nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa thanh toán là 988.093.901 đồng.

Bản án được thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Địa ốc T1 phải chịu 94.692.884 đồng (*Chín mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng TT số tiền 49.270.972 đồng (*Bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0033251 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Địa ốc T1 phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007522 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Địa ốc T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Công ty T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận N;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thanh Thủy